TRUNG TÂM KĐCLGD THĂNG LONG
HỘI ĐỒNG KĐCLGD

Số: 139/NQ-HĐKĐCLGD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục Trường Đại học Thủ đô Hà Nội;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 22 ngày 22 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục của Đoàn đánh giá ngoài đối với Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục Trường Đại học Thủ đô Hà Nội theo đúng quy định hiện hành.

Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đã rà soát, thẩm định kết quả đánh giá và nhất trí điều chỉnh mức đánh giá Tiêu chí 13.5 từ mức 5/7 thành mức 4/7.

Kết quả đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục Trường Đại học Thủ đô Hà Nội sau thẩm định là: Các lĩnh vực đảm bảo chất lượng về chiến lược, đảm bảo chất lượng về hệ thống, đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng và kết quả hoạt động đều đạt từ mức 3,5 điểm trở lên và không tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,0 điểm (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Thủ đô Hà Nội cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục cho Trường Đại học Thủ đô Hà Nội theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH Thủ đô Hà Nội;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ GIÁO DỤC HÀ NỘI
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC THĂNG LONG

Nguyễn Văn Đường

Phụ lục I

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

Cơ sở giáo dục Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số 139/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/10/2025 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Lĩnh vực 1: Đảm bảo chất lượng về chiến lược	***4,03***
Tiêu chuẩn 1	4,20
Tiêu chuẩn 2	4,00
Tiêu chuẩn 3	4,00
Tiêu chuẩn 4	4,00
Tiêu chuẩn 5	4,00
Tiêu chuẩn 6	4,00
Tiêu chuẩn 7	4,00
Tiêu chuẩn 8	4,00
Lĩnh vực 2: Đảm bảo chất lượng về hệ thống	***4,17***
Tiêu chuẩn 9	4,17
Tiêu chuẩn 10	4,25
Tiêu chuẩn 11	4,25
Tiêu chuẩn 12	4,00

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Lĩnh vực 3: Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	***3,97***
Tiêu chuẩn 13	3,60
Tiêu chuẩn 14	3,80
Tiêu chuẩn 15	3,80
Tiêu chuẩn 16	3,75
Tiêu chuẩn 17	4,00
Tiêu chuẩn 18	4,25
Tiêu chuẩn 19	4,00
Tiêu chuẩn 20	4,50
Tiêu chuẩn 21	4,00
Lĩnh vực 4: Kết quả hoạt động	***3,90***
Tiêu chuẩn 22	3,75
Tiêu chuẩn 23	3,83
Tiêu chuẩn 24	4,00
Tiêu chuẩn 25	4,00

Phụ lục II

KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Cơ sở giáo dục Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số 139/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/10/2025 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội đã tự đánh giá và được đoàn Đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Nhà trường có những điểm mạnh nổi bật cần tiếp tục phát huy, cụ thể như sau:

1. Lĩnh vực 1: Đảm bảo chất lượng về chiến lược

Tầm nhìn, Sứ mạng, giá trị văn hoá của Nhà trường được ban hành năm 2016 và rà soát, điều chỉnh năm vào năm 2024. Nội dung tuyên bố về Tầm nhìn, Sứ mạng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành, Thành phố Hà Nội và cả nước. Quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh Tầm nhìn, Sứ mạng, Giá trị cốt lõi có sự tham gia của các bên liên quan trong và ngoài Trường. Tầm nhìn, Sứ mạng, Giá trị cốt lõi của Nhà trường được phổ biến thông qua các kênh thông tin, quán triệt cho cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học biết và triển khai thực hiện.

Hội đồng Trường được thành lập theo đúng quy định của Luật Giáo dục Đại học, Điều lệ trường đại học, UBND Thành phố Hà Nội, Bộ GD&ĐT. Đảng ủy, Hội đồng trường, các tổ chức đoàn thể và các hội đồng tư vấn được quy định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn; Nhà trường đã xây dựng hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý và triển khai các hoạt động của cơ sở giáo dục. Các nghị quyết/quyết nghị/kết luận của Đảng uỷ, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, các tổ chức đoàn thể và Hội đồng tư vấn được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn và được triển khai thực hiện. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và các văn bản của hệ thống quản trị được rà soát, đánh giá, điều chỉnh phù hợp với các quy định của Nhà trường. Đội ngũ cán bộ quản lý được đánh giá định kỳ, được điều chỉnh và được tạo điều kiện nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu công việc đảm nhận.

Cơ cấu quản lý được thiết lập, có các đơn vị, bộ phận được thành lập mới trên cơ sở kế hoạch, định hướng chiến lược và phù hợp với thực tế của Trường; đã ban hành các văn bản quy định vai trò, trách nhiệm, chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa các bộ phận trong cơ cấu quản lý. Lãnh đạo Trường tham gia kết nối, định hướng, tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược đến các bên liên quan. Cơ cấu quản lý và các văn bản quy định vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa các bộ phận trong cơ cấu quản lý được rà soát định kỳ. Dựa trên kết quả đánh giá năng lực lãnh đạo, quản lý và hiệu quả công việc, Nhà trường thực hiện công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và luân chuyển đội ngũ can bộ quản lý của cơ sở giáo dục.

Nhà truờng có đơn vị chuyên trách thực hiện nhiệm vụ giám sát, thực hiện chế độ báo cáo, định kỳ đánh giá, kiểm tra, tổng kết, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung chiến lược phát triển cho phù hợp với thực tế. Kế hoạch dài hạn, ngắn hạn trong chu kỳ đánh giá cụ thể hóa chiến lược phát triển tổng thể và kế hoạch chiến lược theo lĩnh vực được Nhà trường ban hành và thực hiện. Thực hiện đối sánh, đánh giá các giải pháp, chỉ số, chỉ tiêu trong Chiến lược phát triển giai đoạn 2015 - 2025 để điều chỉnh, bổ sung các giải pháp, các chỉ số, chỉ tiêu phù hợp trong chiến lược phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Việc xây dựng các chính sách liên quan đến đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được phân công trách nhiệm cho các đơn vị tham mưu xây dựng. Các chính sách đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng đã tuân thủ đúng theo các quy định pháp lý của Chính phủ, các Bộ ngành và quy chế tổ chức, hoạt động của nhà trường. Các văn bản chính sách liên quan đến đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được rà soát, cải tiến hằng năm để kịp thời cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và qua phỏng vấn một số bên liên quan cho thấy, về cơ bản các đối tượng được hỏi đều hài lòng về chính sách cũng như đánh giá việc thay đổi chính sách kịp thời của Nhà trường.

Nguồn nhân lực được quy hoạch và có kế hoạch chiến lược phát triển nguồn nhân lực và danh mục vị trí việc làm, thể hiện rõ yêu cầu về số lượng và chất lượng, phân công chức trách, nhiệm vụ với từng vị trí việc làm; công khai các văn bản quy định rõ tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể trong quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp khoa, phòng, quản lý cấp bộ môn cũng như bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ. Trường đã tổ chức tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng cho gần 100% cán bộ quản lý, chuyên viên, giảng viên đáp ứng nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phù hợp với chiến lược phát triển từng giai đoạn. Việc quản trị theo kết quả công việc của cán bộ, giảng viên được thực hiện công khai, dân chủ và minh bạch thông qua Quy trình đánh giá và phân loại cán bộ viên chức và người lao động; Chế độ khen thưởng và ghi nhận được thực hiện, tạo động lực làm việc cho người lao động; chế độ, chính sách, quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát và cải thiện trong phạm vi quyền hạn của Nhà trường như tăng mức hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, hỗ trợ nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế, bảo vệ đúng hạn luận án TS, bổ nhiệm chức danh PGS/GS.

Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2030, tầm nhìn 2045 có định hướng phát triển nguồn lực tài chính để hỗ trợ thực hiện tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược; Chính sách tài chính tuân thủ, chặt chẽ, kiểm soát bởi Sở Tài chính Hà Nội, các chỉ số tài chính được xác lập, giám sát; Trường quan tâm đầu tư cho cơ sở vật chất, trang thiết bị, cải tạo môi trường; Có đơn vị chuyên trách quản lý hệ thống CNTT bảo đảm trì hệ thống hoạt động ổn định; có Đề án "Chuyển đổi số Trường Đại học Thủ đô Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030", đã xây dựng được 05 phòng họp trực tuyến và 01 phòng ghi hình Elearning; Nguồn lực học tập được Trung tâm Thông tin thư viện quản lý để bảo đảm các nguồn lực học tập. Có các đơn vị chức năng triển khai thực hiện các hoạt động môi trường, chăm sóc sức khỏe và an toàn.

Hoạt động đối ngoại với các tổ chức, đơn vị và cá nhân trong, ngoài nước được phân công cụ thể, rõ ràng. Phòng Quản lý khoa học công nghệ & hợp tác phát triển có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng về công tác hợp tác quốc tế với đã ban hành nghị quyết hoạt động đối ngoại, hoạt động hợp tác. Quy chế quản lý hoạt động Hợp tác phát triển; các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn về phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Trường. Thông tin về các hoạt động đối ngoại được thông báo phổ biến đến các bên liên quan và công khai trên trang thông tin điện tử của Trường. Nhà trường thường xuyên rà soát, đánh giá Trường đã ký được nhiều biên bản ghi nhớ với các đối tác trong và ngoài nước, đặc biệt ký kết đào tạo chương trình cử nhân Ngôn ngữ Trung Quốc được giảng dạy bằng tiếng Trung theo hình thức "2+2" và hợp tác tổ chức thi, cấp chứng chỉ Versant English Placement Test (VEPT) với Công ty cổ phần phát triển giáo dục EduGlobal-Vương Quốc Anh; đã tiếp nhận các đoàn đến trao đổi học thuật, giảng dạy ngoại ngữ, bồi dưỡng chuyên môn; phối hợp với các đối tác tổ chức thành công 14 hội thảo cấp quốc gia, quốc tế về lĩnh vực Văn hóa& Giáo dục.

2. Lĩnh vực 2: Đảm bảo chất lượng về hệ thống

Hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong được thiết lập, có cơ cấu rõ ràng. Đội ngũ cán bộ, nhân viên của Phòng Khảo thí & Bảo đảm chất lượng giáo dục và mạng lưới bảo đảm chất lượng bên trong của Trường có số lượng vượt trội, được tập huấn, bồi dưỡng về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục. Kế hoạch bảo đảm chất lượng được xây dựng bao gồm các chính sách và sự tham gia của các bên liên quan đáp ứng các mục tiêu chiến lược và bảo đảm chất lượng giáo dục của Trường. Chiến lược phát triển Trường và Chiến lược bảo đảm chất lượng giáo dục được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện; được phổ biến, triển khai các hoạt động thực hiện chiến lược bảo đảm chất lượng theo kế hoạch. Hệ thống các văn bản về chính sách, quy trình và thủ tục bảo đảm chất lượng được lưu trữ có hệ thống, được phổ biến, rà soát, cập nhật và dễ dàng tiếp cận. Các chỉ số thực hiện (KPIs) và các chỉ tiêu phấn đấu chính để đo lường và đánh giá kết quả công tác bảo đảm chất lượng được thiết lập để đo lường kết quả công tác bảo đảm chất lượng của Trường. Quy trình lập kế hoạch và các chỉ số, và mục tiêu phấn đấu chính được rà soát, đánh giá và cải tiến.

Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị đánh giá các chương trình đào tạo và cơ sở giáo dục được xây dựng cụ thể, xác định rõ nội dung hoạt động, lộ trình thực hiện; phân công trách nhiệm cho các bộ phận và các cá nhân liên quan; được hướng dẫn, phổ biến đến các bên liên quan để triển khai thực hiện. Việc tự đánh giá được thực hiện định kỳ, được đội ngũ đông đảo cán bộ, giảng viên, chuyên viên được đào tạo, bồi dưỡng về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục thực hiện. Hoạt động đánh giá ngoài được thực hiện bởi các chuyên gia độc lập giàu kinh nghiệm từ các Đoàn đánh giá ngoài thực hiện. Những phát hiện và kết quả của hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài được xác định cụ thể làm cơ sở xây dựng, thực hiện và giám sát kế hoạch hành động/ cải tiến chất lượng khắc phục những điểm tồn tại được phát hiện trong quá trình tự đánh giá và đánh giá ngoài.

Quy trình tự đánh giá và chuẩn bị cho đánh giá ngoài được rà soát, đánh giá, cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài các chương trình đào tạo và cơ sở giáo dục. Hồ sơ, minh chứng tự đánh giá được số hóa thuận lợi cho việc tra cứu trực tuyến.

Kế hoạch quản lý thông tin bảo đảm chất lượng bên trong của Trường được xây dựng và thực hiện theo kế hoạch bảo đảm chất lượng của Trường và các Đề án đã được phê duyệt, hỗ trợ tích cực và hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Hệ thống thông tin về đảm chất lượng bên trong của Trường được xây dựng trên nền tảng CNTT. Cơ sở dữ liệu về hệ thống thông tin đảm chất lượng bên trong được phân tích cho từng lĩnh vực hoạt động để nâng cao chất lượng, được lưu giữ có hệ thống, được bảo mật và bảo đảm an toàn thông tin. Hệ thống quản lý thông tin đảm chất lượng bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn dữ liệu và thông tin được định kỳ rà soát hằng năm trên cơ sở thông tin phản hồi của các bên liên quan. Việc quản lý thông tin đảm chất lượng bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin đảm chất lượng bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Kế hoạch nâng cao chất lượng của Trường được xây dựng, có các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; có tính liên tục với các mốc thời gian và chỉ tiêu cụ thể để bảo đảm tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Quy định về so chuẩn, đối sánh CLGD được xây dựng và ban hành, trong đó có các tiêu chí lựa chọn đối tác; các tiêu chí xác định nội dung so chuẩn, đối sánh chất lượng; có hướng dẫn, quy trình cụ thể để nâng cao chất lượng hoạt động của Trường. Hoạt động so chuẩn và đối sánh được triển khai thực hiện. Kết quả so chuẩn và đối sánh được sử dụng để tăng cường các hoạt động bảo đảm chất lượng nhằm tăng cường các hoạt động bảo đảm chất lượng và khuyến khích đổi mới, sáng tạo. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

3. Lĩnh vực 3: Đảm bảo chất lượng về chức năng

Đề án tuyển sinh hàng năm được xây dựng theo quy định của Bộ GD&ĐT, Sở giáo dục Thành phố Hà Nội trong đó quy định rõ về các chính sách tuyển sinh; hàng năm ban hành kế hoạch tuyển sinh và phân công trách nhiệm, xác định thời gian thực hiện cho các ban, bộ phận liên quan giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh, ban hành kế hoạch truyền thông phục vụ công tác tuyển sinh. Đề án tuyển sinh hàng năm thể hiện rõ các tiêu chí, chỉ tiêu tuyển sinh cho từng chương trình đào tạo cũng như các hình thức thi/xét tuyển phù hợp theo quy định của Bộ GD&ĐT. Hàng năm, Nhà trường thành lập Ban thanh tra tuyển sinh nhằm giám sát công tác tuyển sinh và nhập học. Tổng kết công tác tuyển sinh hàng năm làm cơ sở để điều chỉnh chính sách/ kế hoạch tuyển sinh, nhập học và công tác tuyển sinh, nhập học được cải tiến hàng năm cho phù hợp.

Hệ thống thiết kế, xây dựng, rà soát, điều chỉnh chương trình dạy học, đề

cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ từng bước được triển khai, hoàn thiện. Chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần, chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo trình độ đại học, sau đại học sau khi thẩm định, ban hành được phổ biến đến người học bằng nhiều hình thức khác nhau và triển khai thực hiện trên phần mềm quản lý đào tạo. Trong chu kỳ đánh giá, Nhà trường đã tiến hành 02 đợt rà soát, cải tiến chương trình dạy học vào các năm 2022 và năm 2024, quá trình rà soát có tham khảo chương trình dạy học của một số cơ sở giáo dục có uy tín trong và ngoài nước. Quy trình rà soát, đánh giá, điều chỉnh chương trình dạy học đã có một số điều chỉnh và đã được ban hành, triển khai thực hiện. Đã tiến hành lấy ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng, rà soát điều chỉnh chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần.

Triết lý giáo dục được tuyên bộ chính thức, phù hợp với mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn của Trường và xu thế phát triển chung của đổi mới, tự chủ và hội nhập trong giáo dục. Các hoạt động dạy và học được lập kế hoạch và thiết kế dựa vào chuẩn đầu ra; được xác định trong đề cương chi tiết học phần ở các trình độ đào tạo. Đã triển khai một số kế hoạch thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm và phát triển đội ngũ giảng viên. Đã thực hiện phân công nhiệm vụ cho giảng viên dựa trên trình độ chuyên môn năng lực. Trường đã tạo được môi trường dạy học đa dạng thúc đẩy việc học tập, trao đổi giúp người học đạt chuẩn đầu ra. Giảng viên đã ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra của các học phần. Các hoạt động dạy và học được giám sát bằng nhiều hình thức khác nhau. Định kỳ khảo sát ý kiến phản hồi của người học sau khi kết thúc học kỳ, năm học; kết quả khảo sát được xử lý, tổng hợp triển khai khắc phục điểm yếu, cải tiến chất lượng dạy và học, chất lượng kiểm tra đánh giá người học. Trường đã ban hành tuyên bố chính thức về triết lý giáo dục vào năm 2024, tiến hành điều chỉnh hoạt động dạy và học vào các năm 2022 và năm 2024.

Quy trình lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học được xác lập, phân công trách nhiệm rõ ràng và cụ thể cho các đơn vị, cá nhân. Loại hình, tiêu chí, nội dung đánh giá được thể hiện trong đề cương chi tiết từng học phần, được kỳ rà soát, đánh giá và công bố công khai đến người học và các bên liên quan khác. Kết quả học tập của người học được công bố kịp thời, không có khiếu nại về kết quả học tập. Người học hài lòng về phương pháp và kết quả kiểm tra, đánh giá, không có đơn thư khiếu nại, phàn nàn của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

Kế hoạch hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học được xây dựng và triển khai thực hiện: Có hệ thống giám sát người học gồm Phòng Quản lý đào tạo & Công tác Học sinh Sinh viên, Phòng Khảo thí & Bảo đảm chất lượng giáo dục, cố vấn học tập, giảng viên và hệ thống phần mềm quản lý đào tạo; có đơn vị, đội ngũ cán bộ, nhân viên hỗ trợ đủ trình độ, kinh nghiệm để tư vấn, hỗ trợ người học. Hoạt động giám sát tiến trình học tập, được người học đánh giá cao. Hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được rà soát, đánh giá. Các chỉ số chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học được cải thiện. Phần mềm quản lý người học, hệ thống

cố vấn học tập được cải thiện trong chu kỳ đánh giá được người học đánh giá cao.

Cơ cấu tổ chức, hệ thống chính sách để quản lý hoạt động khoa học công nghệ phù hợp và đầy đủ. Kế hoạch chiến lược phát triển nguồn thu từ hoạt động khoa học công nghệ được thực hiện và đạt được các mục tiêu đến năm 2025, đặc biệt với sự đóng góp của các chương trình hợp tác với TP. Hà Nội. Hệ thống KPI của hoạt động nghiên cứu khoa học để xác định giờ nghiên cứu khoa học, xếp loại thi đua, khen thưởng giảng viên được xây dựng. Quy chế hoạt động Khoa học & công nghệ được định kỳ cập nhật nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tế và của các văn bản pháp quy.

Hệ thống các quy định và đơn vị, nhân sự chuyên trách bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, bản quyền và các kết quả nghiên cứu được ban hành, tăng cường năng lực quản lý sở hữu trí tuệ cho lãnh đạo và cán bộ chuyên trách thông qua các hội thảo, tập huấn về sở hữu trí tuệ. Trong giai đoạn 2020 - 2025, Trường không có khiếu nại hoặc khởi kiện về hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Hằng năm Trường có khảo sát, đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học và quản lý tài sản trí tuệ. Kết quả khảo sát cho thấy trên 90% cán bộ giảng viên và trên 90% sinh viên hài lòng với công tác quản lý khoa học công nghệ và sở hữu trí tuệ. Định kỳ cập nhật Quy định về Quản lý Khoa học & Công nghệ, Quy định về liêm chính học thuật, Quy chế biên soạn và thẩm định giáo trình.

Chiến lược hợp tác phát triển về khoa học và công nghệ phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của cơ sở giáo dục; có các kế hoạch triển khai, hệ thống quy định và nhân sự chuyên trách mảng hợp tác phát triển. Chiến lược hợp tác phát triển về khoa học và công nghệ được thực hiện hiệu quả, có các quan hệ hợp tác mang lại đóng góp tốt cho nguồn thu khoa học công nghệ. Chiến lược hợp tác phát triển về khoa học và công nghệ được rà soát, đánh giá tính hiệu quả làm căn cứ để điều chỉnh các chính sách và hoạt động. Các hoạt động hợp tác làm gia tăng đáng kể nguồn nhân lực và cơ sở vật chất, tài chính cho Trường.

Kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng được xây dựng nhằm thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường. Các chính sách và hướng dẫn triển khai hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật, được tổ chức thực hiện mang lại nhiều kết quả cụ thể. Nhà trường đã triển khai hệ thống đánh giá và giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng; có đầy đủ cơ sở dữ liệu về các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng. Hoạt động kết nối cộng đồng và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng được cải tiến từng bước. Hầu hết các bên liên quan hài lòng về các dịch vụ kết nối và phục vụ cộng đồng.

4. Lĩnh vực 4: Kết quả hoạt động

Kế hoạch đào tạo và mục tiêu chất lượng được xây dựng hằng năm, trong đó có xác định tỷ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn. Phòng Quản lý đào tạo & Công tác học sinh sinh viên, cố vấn học tập và các khoa phối hợp theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các chương trình đào tạo; thực hiện đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình trong cùng chương trình đào tạo và các chương trình

đào tạo của Trường hàng năm và đối sánh với có sở giáo dục khác. Tỷ lệ người học có việc làm sau một năm tốt nghiệp khá cao, được xác lập bởi Phòng Khảo thí & Bảo đảm chất lượng giáo dục; hàng năm có thực hiện đối sánh trong cùng chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo khác trong trường và với cơ sở giáo dục khác; Nhà trường có nhiều biện pháp hỗ trợ hiệu quả người học có việc làm. Định kỳ khảo sát sự hài lòng của nhà sử dụng lao động về chất lượng sinh viên ra trường về công tác, có cơ chế giám sát và sử dụng thông tin phản hồi các bên liên quan; Định kỳ thực hiện đối sánh về sự hài lòng của nhà sử dụng lao động về chất lượng của người học của tất cả các chương trình đào tạo.

Loại hình và khối lượng nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên và người học được quy định rõ ràng, được định kỳ rà soát, cập nhật. Hệ thống theo dõi, giám sát được thiết lập. Cơ sở dữ liệu được cập nhật thường xuyên. Quy định về các loại hình tài sản trí tuệ, sở hữu trí tuệ cụ thể và rõ ràng, với cơ sở dữ liệu thường xuyên được cập nhật. Việc phân bổ ngân sách nghiên cứu khoa học cho các đơn vị; thực hiện chi cho hoạt động học học công nghệ được quy định rõ ràng, đáp ứng các quy định hiện hành. Các quy định về kết quả nghiên cứu và sáng tạo như được xây dựng, ban hành: Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ, Quy định tổ chức hoạt động của các nhóm nghiên cứu trọng điểm, nhóm nghiên cứu mạnh; Quy định về liêm chính học thuật; Quy định quản lý tài sản trí tuệ.

Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được quy định rõ ràng, cụ thể, có đơn vị đầu mối giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, đánh giá tác động việc triển khai thực hiện và thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về tác động xã hội của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng. Hằng năm, Trường đã thực hiện đối sánh nội bộ kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, về tác động của hoạt động đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên; Kết quả các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đa dạng, số lượng khá lớn đem lại uy tín cho Trường.

Quy định về kết quả và các chỉ số về tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng của Nhà trường được thể hiện trong Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2030 và tầm nhìn 2045. Trường đã thực hiện bảo đảm tự chủ được nguồn kinh phí chi thường xuyên vượt chỉ tiêu đề ra trong chiến lược phát triển trường. Các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng đã được xác lập, giám sát, thống kê, đối sánh và lưu trữ. Đối sánh về kết quả thị trường hoạt động đào tạo: Trường đã có kết quả tuyển sinh tốt (sinh viên nhập học tăng hàng năm), số lượng chương trình đào tạo đạt chuẩn tăng từ 0% đầu kỳ đánh giá đến 52% vào năm 2024. Chỉ số thị trường về nghiên cứu khoa học: tỷ lệ công bố bài báo khoa học đối với giảng viên tăng từ 80% (năm 2020) đến 94% (2024).

II. KIẾN NGHỊ

Để khắc phục những tồn tại trong các lĩnh vực hoạt động của cơ sở giáo dục, Hội đồng kiến nghị Trường Đại học Thủ đô Hà Nội cần cải tiến chất lượng các lĩnh vực hoạt động theo các nhóm giải pháp sau đây:

1. Đa dạng hóa các hình thức phổ biến, tuyên truyền, quán triệt đến các bên liên quan nội dung Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi của cơ sở giáo dục; đồng thời tổ chức lấy ý kiến phản hồi để biết được hiệu quả của các hình thức phổ biến cũng như kết quả tiếp nhận của các bên liên quan; xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, rõ ràng, xác định các nhiệm vụ theo hướng ưu tiên để giữ gìn bản sắc, văn hóa, học hiệu của cơ sở giáo dục với sự tham gia góp ý từ các bên liên quan trong và ngoài trường; đổi mới hình thức phổ biến, quán triệt Tầm nhìn, Sứ mạng, Giá trị cốt lõi của cơ sở giáo dục; Nhà trường nên tổ chức sinh hoạt chuyên đề về triển khai thực hiện Tầm nhìn, Sứ mạng, Giá trị cốt lõi, kế hoạch chiến lược, kế hoạch trung hạn theo từng đối tượng liên quan trong và ngoài trường; cần có kế hoạch khảo sát về phương thức, công cụ, bộ câu hỏi, phạm vi đối tượng khảo sát ý kiến đóng góp của các bên liên quan cho nội dung Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi của cơ sở giáo dục; kết quả khảo sát cần được tổng hợp, phân tích, đánh giá làm cơ sở quan trọng cho cải tiến chất lượng hoạt động khảo sát nội dung này; rà soát, hoàn thiện quy định về quy trình và định kỳ thực hiện việc rà soát, điều chỉnh Sứ mạng, Tầm nhìn và Giá trị cốt lõi của cơ sở giáo dục; có cơ chế giám sát hoạt động rà soát, cải tiến chất lượng để cải tiến quy trình xây dựng, rà soát và phát triển Tầm nhìn, Sứ mạng và văn hóa một cách có hiệu quả, phù hợp với Luật Giáo dục.

2. Định kỳ tổng kết, sơ kết phân tích, thảo luận, đánh giá, nhận diện các rủi ro tiềm tàng và hướng khắc phục, giải pháp quản lý kịp thời để giảm thiểu rủi ro trong quá trình hoạt động của hệ thống quản trị, quản lý; đa dạng hóa các hình thức phổ biến, cập nhật các chủ trương, chính sách, chế độ, quy định, hướng dẫn đến cán bộ, giảng viên, người lao động và người học để hiểu, nắm vững và thực hiện phù hợp với vị trí công tác, học tập tại đơn vị; xây dựng quy định đánh giá, xếp loại đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của cơ sở giáo dục với các tiêu chí cụ thể làm căn cứ đánh giá, xếp loại khách quan, công bằng, minh bạch, chính xác; làm cơ sở quan trọng cho công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm cán bộ quản lý của đơn vị; thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động điều chỉnh về cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị, các văn bản quản lý, điều hành để cải tiến chất lượng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy và công tác quản trị Nhà trường.

3. Thực hiện tổng kết, đánh giá và lấy ý kiến góp ý các bên liên quan trong Trường về tính hiệu quả/tác động của hệ thống văn bản quy định vai trò, trách nhiệm, chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa các thành phần, bộ phận trong cơ cấu quản lý để cải tiến chất lượng xây dựng và ban hành các văn bản quản trị, quản lý cơ sở giáo dục; tổng kết, đánh giá và tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về tính hiệu quả của các hình thức phổ biến, tuyên truyền, định hướng Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi của cơ sở giáo dục; tổng kết, đánh giá và lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan trong cơ sở giáo dục về kết quả thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý tại các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường

làm cơ sở quan trọng cho cải tiến chất lượng công tác quy hoạch đội ngũ nói chung và đội ngũ cán bộ quản lý nói riêng; thực hiện hiệu quả hơn công tác điều chỉnh, luân chuyển đội ngũ cán bộ quản lý các đơn vị thuộc, trực thuộc trong nội bộ cơ sở giáo dục trên cơ sở đánh giá năng lực lãnh đạo, quản lý và hiệu quả công tác để xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý đủ số lượng, bảo đảm chất lượng đáp ứng với yêu cầu phát triển của đơn vị.

4. Xây dựng quy định về quy trình/hướng dẫn quá trình xây dựng, rà soát làm cơ sở cho việc theo dõi, giám sát, kiểm tra nội dung, kế hoạch, tiến độ thực hiện; rà soát, điều chỉnh và lấy ý kiến các bên liên quan về hình thức thông tin, phổ biến chiến lược phát triển tổng thể, kế hoạch chiến lược theo từng lĩnh vực, kế hoạch dài hạn, ngắn hạn theo hướng đa dạng hóa các kênh thông tin, phổ biến; xây dựng kế hoạch thường xuyên rà soát, đánh giá, đối sách các chỉ tiêu/chỉ số phấn đấu chính với thực tế của đơn vị để làm cơ sở cho công tác cải tiến chất lượng nhằm hướng đến đạt được các mục tiêu chiến lược với mức độ cao nhất; xây dựng và ban hành văn bản quy định hoạt động theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính để hoạt động này ngày càng chặt chẽ hơn, góp phần cải tiến chất lượng nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược.

5. Xây dựng tổng thể văn bản các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng tạo điều hiện dễ tra cứu, tìm kiếm; cần thường xuyên có kế hoạch tập huấn trước khi xây dựng các chính sách đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; cần ban hành Quy trình giám sát các chính sách tính hệ thống và các hoạt động rà soát riêng biệt, để phân tích, đánh giá sâu, từ đó giúp điều chỉnh, ban hành các chính sách đủ mạnh, kịp thời nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường để phù hợp với triết lý, sứ mạng và tầm nhìn của Trường; cần thường xuyên khảo sát lấy ý kiến phản hồi đa dạng các bên liên quan với thiết kế đầy đủ các nội dung chính sách đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhất là chính sách phục vụ cộng đồng và lưu trữ các ý kiến thành hệ thống, đầy đủ, thuận tiện, dễ tra cứu.

6. Có các giải pháp thực thi đủ mạnh và khả thi trong ngắn hạn và trung hạn về phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng quy hoạch nguồn nhân lực trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng và cần quan tâm hơn nữa tới hoạt động phục vụ cộng đồng; cần có chính sách thu hút để giữ các giảng viên có học hàm, học vị công tác lâu dài tại Trường; cần tạo điều kiện hơn nữa nhằm động viên, khuyến khích các TS có đủ điều kiện bổ nhiệm các chức danh PGS và PGS bổ nhiệm các chức danh GS để thúc đẩy để tham gia đào tạo và quản trị đại học, hiện thực hóa sứ mạng và tầm nhìn của Trường; thường xuyên khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về đào tạo bồi dưỡng, đánh giá chất lượng hiệu quả công việc và thi đua khen thưởng khoa học, tin cậy làm cơ sở cho việc cải tiến chất lượng đối với các công tác này; sớm hoàn thiện bộ chỉ số (KPI) cụ thể, rõ ràng, đặc biệt bổ sung quy định về việc đánh giá hoạt động phục vụ cộng đồng để đánh giá phân loại viên chức người lao động.

7. Lập kế hoạch và giải pháp phù hợp để đa dạng hóa nguồn thu, đặc biệt là thu nghiên cứu khoa học/chuyển giao công nghệ; sắp xếp chỗ làm việc cho giảng viên, phòng làm việc phó giáo sư/giảng viên cao cấp bảo đảm theo quy định về chuẩn cơ sở giáo dục đại học; nhanh chóng triển khai đề án chuyển đổi số hướng tới tầm nhìn trở thành trường đại học thông minh: phát triển hạ tầng số, ứng dụng công nghệ số vào quản trị đại học thuận lợi cho việc quản lý cơ sở dữ liệu toàn trường; phát triển phần mềm tổng thể trong đó có phần mềm quản lý nhân sự, mỗi cán bộ, công chức, viên chức có thể tự quản lý kế hoạch cá nhân; đánh giá thực trạng thư viện để đưa kế hoạch phát triển thư viện đáp ứng với tầm nhìn của Trường, cụ thể tăng cường số hóa giáo trình và tài liệu học tập; rà soát toàn bộ giáo trình trong đề cương các học phần để có kế hoạch biên soạn, thẩm định lựa chọn các tài liệu bảo đảm theo các quy định tại Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT về biên soạn, thẩm định và lựa chọn giáo trình; rà soát lại các tòa nhà, giảng đường để cải tạo lối đi, khu vệ sinh dành riêng cho người có nhu cầu đặc biệt để bảo đảm thuận lợi trong việc tham gia các hoạt động tại Trường.

8. Rà soát, bổ sung và ban hành quy định về quản lý công tác đối ngoại, trong đó cần quy định rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát; cần xác định, lựa chọn một số đối tác chiến lược để đầu tư triển khai các hoạt động hợp tác phục vụ chính cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của mình; cần rà soát hợp tác để phân loại rõ ràng theo nhóm đối tác; lĩnh vực hợp tác; mức độ đóng góp vào chiến lược phát triển, hướng tới tầm nhìn của Trường và phát triển, lựa chọn đối tác thể hiện được các kết quả cụ thể, hướng tới cùng thực hiện dự án chung, nghiên cứu hợp tác, chuyển giao sản phẩm nghiên cứu, đặc biệt các ký kết tầm cỡ đặc biệt nghiên cứu khoa học và nên mở rộng thêm sang các nước châu Âu, Mỹ, Úc, ... để đa dạng hóa hợp tác; cần có công cụ định lượng cụ thể để đánh giá mức độ hiệu quả, các chỉ báo phản ánh hiệu quả so với mục tiêu ban đầu; tác động và tính bền vững của các mối quan hệ đối tác.

9. Định kỳ rà soát, đánh giá thường xuyên hoạt động của Hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong; thể hiện vị trí, vai trò, chức năng nhiệm vụ Hội đồng bảo đảm chất lượng giáo dục trong cơ cấu tổ chức của Trường; rà soát Chiến lược bảo đảm chất lượng, bổ sung chính sách, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình thực hiện các hoạt động bảo đảm chất lượng, phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong, xây dựng văn hóa chất lượng trong Nhà trường; xây dựng kế hoạch trung hạn về bảo đảm chất lượng giáo dục làm cơ sở đánh giá, rà soát, điều chỉnh nội dung, giải pháp, chỉ tiêu chiến lược bảo đảm chất lượng giáo dục và làm căn cứ xây dựng kế hoạch bảo đảm chất lượng hằng năm; rà soát, thống nhất các quy định về việc lưu trữ văn bản về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục bảo đảm chất lượng; quy định đơn vị đầu mối trong việc lưu trữ tài liệu hướng dẫn, phổ biến cho cán bộ, giảng viên và người học về các chính sách, quy trình và thủ tục bảo đảm chất lượng giáo dục; sử dụng đồng bộ các bộ chỉ số KPIs để đo lường và đánh giá mục tiêu chất lượng hằng năm và mục tiêu chiến lược bảo đảm chất lượng giáo dục trong từng giai đoạn làm cơ sở điều chỉnh chỉ số và mục tiêu phấn đấu dài hạn; thường xuyên rà soát, đánh giá các chỉ số thực hiện và các chỉ tiêu phấn đấu chính của các Chiến lược phát triển Trường và Chiến lược bảo đảm chất

lượng giáo dục và điều chỉnh cần thiết, phù hợp tính hình thực tế của Trường.

10. Rà soát, đánh giá, điều chỉnh việc phân công trách nhiệm các đơn vị cá nhân trong việc phụ trách đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng một cách hợp lý cho việc đánh giá kết quả cải tiến chất lượng giữa kỳ và cuối kỳ; tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên được trải nghiệm nhiều hơn trong hoạt động tự đánh giá các chương trình đào tạo và cơ sở giáo dục; tổ chức các hội nghị, hội thảo trao đổi kinh nghiệm viết báo cáo tự đánh giá các chương trình đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên trong hoạt động bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục; chủ động phân tích, lựa chọn, lập kế hoạch khắc phục những điểm tồn tại đã được phát hiện trong quá trình tự đánh giá, hình thành, phát triển văn hóa chất lượng trong Nhà trường; tổ chức các hội nghị, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm tự đánh giá và chuẩn bị đánh giá ngoài các chương trình đào tạo và cơ sở giáo dục tới đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên từng bước xây dựng văn hóa chất lượng trong Nhà trường.

11. Thúc đẩy quá trình chuyển đổi số và ứng dụng CNTT vào hệ thống quản lý thông tin bảo đảm chất lượng bên trong, tăng cường năng lực hạ tầng CNTT, sử dụng hệ thống các phần mềm chuyên dụng trong việc thu thập, tổng hợp, xử lý và sử dụng thông tin về đào tạo, nghiên cứu khoa học, kết nối và phục vụ cộng đồng; sớm sử dụng phần mềm chuyên dụng hỗ trợ hoạt động khảo sát, xử lý, hỗ trợ tổng hợp báo cáo kết quả lấy ý kiến của các bên liên quan về hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; tổ chức lấy ý kiến của cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học về việc bảo đảm an toàn, an ninh cho hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng bên trong; định kỳ rà soát, điều chỉnh điều chỉnh nâng cấp hệ thống bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin; tổ chức lấy ý kiến đánh giá của các bên liên quan về số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin; đánh giá hiệu quả các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý bảo đảm chất lượng bên trong; phân tích, đánh giá nguyên nhân những tồn tại và đề xuất giải pháp sử dụng hiệu quả trong việc hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

12. Rà soát quy trình xây dựng chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực, kết nối chặt chẽ việc xây dựng kế hoạch bảo đảm chất lượng trong chiến lược phát triển Trường với việc xây dựng mục tiêu chất lượng và kế hoạch bảo đảm chất lượng hằng năm; tổ chức các hội nghị, hội thảo phổ biến, hướng dẫn sử dụng các quy định so chuẩn và đối sánh chất lượng; phân tích, đánh giá và sử dụng kết quả đối sánh vào việc nâng cao chất lượng các lĩnh vực hoạt động của Trường; đánh giá hiệu quả việc sử dụng kết quả đối sánh trong việc tăng cường các hoạt động bảo đảm chất lượng và khuyến khích hoạt động đổi mới sáng tạo của Trường; rà soát, phân tích, đánh giá, cải tiến các tiêu chí, nội dung, quy trình so chuẩn, đối sánh trên cơ sở tham chiếu các tiêu chí đối sánh của cơ sở giáo dục khác khi lựa chọn, xác định thang đo chuẩn; đánh giá hiệu quả hoạt động cải tiến các quy định, quy trình lựa chọn các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng của Trường để đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

13. Tổ chức đánh giá hiệu quả công tác truyền thông trong tuyển sinh để có cơ sở cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động truyền thông tuyển sinh; định kỳ thực hiện đánh giá về chất lượng sinh viên theo các phương thức tuyển sinh để cải tiến và nâng cao chất lượng đầu vào; xây dựng và ban hành Quy trình/Quy định về giám sát công tác tuyển sinh, nhập học; thực hiện đầy đủ báo cáo kết quả thanh tra, giám sát tuyển sinh, nhập học hàng năm; đánh giá, phân tích số lượng nhập học để có cải tiến nâng cao số lượng sinh viên trúng tuyển nhập học; cần đánh giá, phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực và đánh giá, phân tích công tác tuyển sinh hàng năm của các ngành đào tạo để đề xuất chỉ tiêu cho phù hợp.

14. Tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về chuẩn đầu ra, chương trình dạy học, đề cương chi tiết học phần rộng rãi hơn; bổ sung kênh thu thập ý kiến tại các cuộc họp chuyên môn, hội thảo khoa học liên quan tổ chức trong chu kỳ đánh giá; tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát một cách khoa học trong các báo cáo để có thể sử dụng hiệu quả trong rà soát, điều chỉnh chương trình dạy học và đề cương chi tiết học phần; rà soát và ban hành đầy đủ chữ ký trong đề cương chi tiết học phần; rà soát các tuyên bố về mục tiêu học phần bảo đảm đo lường được; tiến hành đánh giá và đo lường các hoạt động giảng dạy để hướng tới đạt được chuẩn đầu ra; đối sánh với các chương trình đào tạo trong nước, quốc tế cần được thể hiện rõ trong hồ sơ chương trình đào tạo; nội dung đối sánh cần thể hiện rõ mục tiêu và kết quả cần phải đạt được khi rà soát chương trình dạy học; nghiên cứu ban hành văn bản độc lập quy định về quy trình thiết kế, phát triển, đánh giá chương trình dạy học một cách khoa học, toàn diện, bao gồm các yêu cầu về tính liên thông của các chương trình đào tạo trong cùng nhóm ngành, liên thông với cùng chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục khác.

15. Cụ thể hóa quy định/hướng dẫn về việc lựa chọn các hoạt động dạy và học để đạt được chuẩn đầu ra trong các chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ; thúc đẩy hiện thực hóa các chính sách thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ để tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ hướng đến đáp ứng quy định tại Thông tư 01/2024; xây dựng giải pháp, cơ chế thúc đẩy các hoạt động trao đổi người học với các cơ sở giáo dục, nghiên cứu ở nước ngoài; tăng cường các hoạt động trải nghiệm ở một số ngành học, cho phép người học đặc biệt là học viên cao học tham gia các hội thảo chuyên môn, tham gia nghiên cứu khoa học; cấp phần mềm quản lý đào tạo theo hướng tăng cường giám sát hoạt động dạy và học; có giải pháp thúc đẩy người học đến thư viện cũng như sử dụng hiệu quả thư viện số trong quá trình tự học; đánh giá tổng hợp về mức độ phù hợp của các nội dung dạy và học được điều chỉnh so với triết lý giáo dục. Tổ chức lấy ý kiến về mức độ hài lòng của các bên liên quan về triết lý giáo dục, về các hoạt động dạy và học bảo đảm đa dạng về thành phần, đủ về số lượng.

16. Rà soát, xây dựng bổ sung các quy trình xử lý từng hoạt động kiểm tra đánh giá cụ thể bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và thuận tiện cho quá trình xử lý công việc và giám sát việc tổ chức thực hiện; nghiên cứu, phân tích sâu các hình thức kiểm tra đánh giá đặc thù đối với mỗi loại học phần, với mỗi loại hình kiểm tra đánh giá nhằm bảo đảm đo lường được mức độ đạt chuẩn đầu ra của các phương pháp kiểm tra đánh giá tại mỗi kỳ đánh giá; ban hành văn bản hướng dẫn

về việc rà soát, đánh giá các phương pháp kiểm tra đánh giá người học để thực hiện thống nhất trong toàn Trường; tổ chức nghiên cứu, phân tích kết quả kiểm tra đánh giá người học, tác động của các hình thức đối với chất lượng và cách thức tuyển chọn người học định kỳ, đồng bộ; ban hành quy định về quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các loại hình/phương pháp kiểm tra, đánh giá người học, bao gồm cả việc kiểm chứng trước khi áp dụng. Từ đó, tiến hành đánh giá một cách bài bản, đồng bộ, khoa học hoạt động đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các loại hình, phương pháp người học người học đang được triển khai.

17. Xây dựng và ban hành bộ chỉ số KPIs để đánh giá chính xác, khách quan năng lực của đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên hỗ trợ, phục vụ; thực hiện lấy ý kiến đa dạng các bên liên quan để đánh giá chất lượng các hoạt động hỗ trợ, phục vụ của Nhà trường; việc rà soát, đánh giá chất lượng các hoạt động hỗ trợ và phục vụ cần cụ thể, rõ ràng và chuyên sâu hơn nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ cán bộ, nhân viên hỗ trợ, phục vụ.

18. Cải tiến hệ thống phần mềm quản lý thông tin khoa học công nghệ để có thể trích xuất dữ liệu đồng bộ, chính xác theo thời gian thực, phục vụ kịp thời công tác quản lý, giám sát; phát triển các nguồn thu từ hoạt động cấp máy ấp trứng, sáng tạo, trên cơ sở tăng cường các sản phẩm khoa học công nghệ được ứng dụng vào thực tiễn hoặc chuyển giao công nghệ; rà soát hệ thống KPI về hoạt động khoa học công nghệ của giảng viên theo hướng nâng cao yêu cầu về chất lượng để có thể tăng cường số lượng công bố quốc tế của Trường, hướng đến đáp ứng quy định tại Thông tư 01/2024; Tiếp tục cải tiến bộ công cụ khảo sát hoạt động nghiên cứu khoa học theo hướng đi sâu vào chất lượng của các công bố khoa học.

19. Tiếp tục cập nhật Quy chế hoạt động Khoa học&Công nghệ hướng đến đáp ứng đầy đủ Thông tư 01/2024, nâng cao chất lượng các công bố khoa học, tăng cường tham gia xếp hạng nghiên cứu khoa học theo các bảng xếp hạng trong nước và quốc tế; cải tiến các chính sách về khuyến khích hoạt động khoa học công nghệ để sớm có các phát minh, sáng chế thuộc các lĩnh vực Trường có thế mạnh như CNTT, Khoa học giáo dục, Văn hóa; tiếp tục cải tiến Phiếu khảo sát sự hài lòng của cán bộ, giảng viên về các mặt hoạt động của Trường theo hướng tách riêng phần khảo sát về công tác nghiên cứu khoa học để có thể thu được thông tin phù hợp, có chiều sâu; tổ chức đánh giá tính phù hợp của hệ thống văn bản và quy trình quản lý tài sản trí tuệ đối với thực tiễn của Trường để từ đó nhận diện các nội dung cần được cải tiến.

20. Tiếp tục cải tiến Quy chế quản lý các hoạt động hợp tác phát triển của Trường theo hướng đề cao vai trò và tính chủ động của các đơn vị trong việc thiết lập và triển khai, giám sát các hoạt động hợp tác phát triển; tiếp tục rà soát, chọn lọc các dự án hợp tác theo hướng hiệu quả, có tính đa dạng về đối tượng thụ hưởng và có số lượng người được thụ hưởng lớn; nhấn mạnh hơn nữa vai trò và kết quả đạt được của hoạt động hợp tác phát triển ở cấp đơn vị trong đánh giá thi đua cá nhân, tập thể; tiếp tục làm việc với các sở, ngành liên quan của Tp. Hà Nội để tìm kiếm cơ hội thiết lập các chương trình, đề án hợp tác phù hợp với các định hướng

phát triển của Thành phố trong giai đoạn tới.

21. Bổ sung mục tiêu kết nối và phục vụ cộn đồng trong Chiến lược phát triển Nhà trường rõ ràng hơn với các mục tiêu, các chỉ số thực hiện cụ thể nhằm hiện thực hóa các hoạt động đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 của Trường; truyền thông các chính sách về kết nối và phục vụ cộng đồng rộng rãi giúp các đơn vị thuận lợi trong việc triển khai thực hiện; xây dựng bộ chỉ số đánh giá KPIs để thuận lợi trong việc đo lường, đánh giá kết quả hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng; nên xây dựng kế hoạch tổ chức đánh giá hiệu quả các hoạt động, mối quan hệ hợp tác để xây dựng kế hoạch tổng thể về kết nối và phục vụ cộng đồng nhằm phát huy được thế mạnh của nhà trường và các đối tác tiềm năng.

22. Rà soát, bổ sung dự báo tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ thôi học, tỷ lệ có việc làm khi ra trường vào khoa học đào tạo toàn khóa của tất cả các chương trình đào tạo theo yêu cầu tại TT04/2016 của Bô GD&ĐT; cần rà soát, cải tiến hoạt động lấy ý kiến các nhà sử dụng lao động đánh giá chất lượng người học ra trường về làm việc sao cho chuyên sâu với những tiêu chí cần thiết để phục vụ hoạt động rà soát, cải tiến chương trình đào tạo và cần xác định các bên liên quan cho phù hợp để việc khảo sát chất lượng sinh viên ra trường thực sự có giá trị.

23. Cải tiến quy đổi để tính giờ nghiên cứu khoa học hiện nay theo hướng khuyến khích giảng viên tập trung cho các nghiên cứu, công bố có giá trị cao; tăng cường cải tiến chính sách về nghiên cứu khoa học của người học theo hướng khuyến khích sự tham gia đồng bộ ở các ngành đào tạo; tăng cường cung cấp thông tin đến người học về Tạp chí khoa học của Trường và các thông tin liên quan đến hội thảo khoa học các cấp; mở rộng nội dung kê khai hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên theo hướng bổ sung các thông tin theo chiều sâu, chẳng hạn số lần trích dẫn, chỉ số IF của các công bố khoa học; mở rộng đối sánh công bố khoa học với các cơ sở giáo dục nước ngoài; mở rộng hoạt động đối sánh về công bố khoa học với các cơ sở giáo dục nước ngoài phù hợp với các tiêu chí lựa chọn đối sánh của Trường; xem xét thêm kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ ở năm trước liền kề khi phân bổ ngân sách dành cho hoạt động khoa học công nghệ hằng năm ở các đơn vị; thành lập các đơn vị khởi nghiệp, tổ chức triển khai thử nghiệm các kết quả nghiên cứu tiềm năng để từng bước đẩy mạnh hoạt động thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật; tăng cường đối sánh với các cơ sở giáo dục có thế mạnh về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo để học hỏi và vận dụng.

24. Ban hành văn bản quy định về quy trình, phương pháp, công cụ hướng dẫn về việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và khối lượng tham gia kết nối và phục vụ cộng đồng; cần hoàn thiện hệ thống chuyên trách thu thập thông tin phản hồi, ứng dụng CNTT để tổng hợp, phân tích các dữ liệu, thuận lợi trong việc lập kế hoạch cải tiến các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng; đối sánh kết quả hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng với các cơ sở giáo dục đại học khác để tăng cường hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng hiệu quả hơn; Thiết kế phiếu lấy ý kiến phản hồi có đầy đủ nội dung phù hợp cho

các nhóm đối tượng trong và ngoài trường về những tác động kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.

25. Bổ sung các chỉ tiêu định lượng cho từng năm về tổng nguồn thu và tỷ lệ các nguồn thu từ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng và các dịch vụ khác trong kế hoạch tài chính; có chính sách cho hoạt động nghiên cứu khoa học để tăng nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao nghiên cứu khoa học; xây dựng quy định cụ thể về đối sánh kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng với các trường trong nước và quốc tế. Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng cần được thực hiện đầy đủ và khoa học.

Trên đây là kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long với 25 nhóm giải pháp. Trường Đại học Thủ đô Hà Nội cần nghiên cứu kỹ các nhóm giải pháp này cùng với Báo cáo đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng cơ sở giáo dục. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, Nhà trường cần báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng cơ sở giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.